

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THANH HÀ  
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 25-9-2024

V/v Ly hôn, nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hằng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Công Nhận

2. Bà Phạm Thị Hoan

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Quang Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ngân- Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 149/2024/TLST-HNGS ngày 17 tháng 6 năm 2024 về việc Ly hôn, nuôi con khi ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2024/QĐST-HNGĐ ngày 21/8/2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 60/2024/QĐST-HNGĐ ngày 06/9/2024 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Mai Thị H, sinh năm 1984; xin vắng mặt

Nơi cư trú: Thôn K, xã V, huyện T, tỉnh Hải Dương.

**- Bị đơn:** Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1985; vắng mặt

Nơi cư trú: Thôn K, xã V, huyện T, tỉnh Hải Dương.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, đơn đề nghị, nguyên đơn trình bày: Chị và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện T, tỉnh Hải Dương vào ngày 15/01/2008. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại xã V, huyện T; chung sống hạnh phúc được khoảng thời gian 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng đã sống ly

thân khoảng hơn 01 năm. Trong thời gian ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh **T**, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh **T**.

Về con chung: Chị xác định anh chị có 03 con chung là **Hoàng Quang M**, sinh ngày 18/10/2008; **Hoàng Đức M1**, sinh ngày 15/7/2014; **Hoàng Phú A**, sinh ngày 01/11/2018. Khi ly hôn chị có nguyện vọng các con **M**, **M1** để anh **T** nuôi dưỡng, còn chị xin nuôi cháu **A**. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp gia đình hai bên: Anh xác định chị và anh **T** không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

\* Tại bản tự khai, bị đơn là anh **Hoàng Văn T** trình bày việc đăng ký kết hôn đúng như chị **H** đã khai. Sau khi kết hôn, vợ chồng trong quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm thường xuyên xảy ra cãi vã, xung đột. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, chị **H** làm đơn xin ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị xác định con chung như chị **H** đã trình bày. Hiện nay đang ở cùng chị. Khi ly hôn anh có quan điểm anh nuôi con **Hoàng Quang M**, **Hoàng Đức M1**; chị **H** nuôi con **Hoàng Phú A**. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp gia đình hai bên: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

\* Tài liệu xác minh tại địa phương, quan điểm của gia đình anh **T**: Chị **Mai Thị H**, anh **Hoàng Văn T** đăng ký kết hôn tại **UBND V, huyện T**. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng thời gian gần đây thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân từ bất đồng quan điểm sống, không thống nhất được cách làm ăn thường xảy ra xung đột, xô sát; vợ chồng đã sống ly thân 02 năm. Nay anh chị đã sống ly thân, chị **H** xin ly hôn, quan điểm của địa phương là Tòa án căn cứ quy định pháp luật để giải quyết.

*Tại phiên tòa sơ thẩm:*

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt.

Đại diện VKSND huyện Thanh Hà phát biểu ý kiến: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (viết tắt: HĐXX) và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX áp dụng Điều 39

BLDS; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị **Mai Thị H**, đề nghị **Mai Thị H** ly hôn anh **Hoàng Văn T**. Về con chung: Giao cháu **Hoàng Quang M**, sinh ngày 18/10/2008; **Hoàng Đức M1**, sinh ngày 15/7/2014 cho anh **Hoàng Văn T** trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con trưởng thành, 18 tuổi; **Hoàng Phú A**, sinh ngày 01/11/2018 cho chị **Mai Thị H** trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con trưởng thành, đủ 18 tuổi. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau. Về án phí: Chị **Mai Thị H** phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] *Về tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt. Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, HĐXX xét xử vắng mặt của anh chị **H**, anh **T** theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị **H** và anh **T** tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại **UBND xã V, huyện T, tỉnh Hải Dương** là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị **H** và ý kiến của anh **T**, Hội đồng xét xử thấy: Sau ngày cưới, vợ chồng sống hạnh phúc khoảng thời gian cách đây khoảng vài năm thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ việc vợ chồng có nhiều bất đồng về quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, vợ chồng anh chị đã sống ly thân. Chị **H** xác định vợ chồng có mâu thuẫn, chị **H** xin ly hôn anh **T**, anh **T** xác định mâu thuẫn trầm trọng, anh **T** đồng ý ly hôn. Điều này chứng tỏ các bên đương sự không còn tha thiết, mong muốn tìm kiếm biện pháp để cải thiện tình trạng hôn nhân. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa chị **H**, anh **T** đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **H**, xử cho chị **H** và anh **T** ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] *Về con chung:* Vợ chồng chị **H**, anh **T** có 03 con chung là **Hoàng Quang M**, sinh ngày 18/10/2008; **Hoàng Đức M1**, sinh ngày 15/7/2014; **Hoàng Phú A**, sinh

ngày 01/11/2018. Chị **H**, anh **T** đều có quan điểm, giao cháu **M**, cháu **M1** cho anh **T** tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc; giao cháu **A** cho chị **H** tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho con chung của anh chị, xét nguyện vọng của anh chị. Hội đồng xét xử thấy cần giao cháu **M**, cháu **M1** cho anh **T** nuôi dưỡng; giao cháu **A** cho chị **H** nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị **H**, anh **T** không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau.

[4] Về tài sản, công sức, nợ chung, công sức đóng góp gia đình hai bên: Chị **H**, anh **T** đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy HĐXX không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật. Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử chị **Mai Thị H** ly hôn anh **Hoàng Văn T**.
2. Về quan hệ con chung: Giao con chung **Hoàng Quang M**, sinh ngày 18/10/2008; **Hoàng Đức M1**, sinh ngày 15/7/2014 cho chị **Mai Thị H** và giao con chung **Hoàng Phú A**, sinh ngày 01/11/2018 tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con trưởng thành, đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị **H**, anh **T** không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau.

Chị **Mai Thị H**, anh **Hoàng Văn T** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị **Mai Thị H** phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000đ, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BLTU/23/0001154 ngày 12/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương. Chị **Mai Thị H** đã thi hành xong nghĩa vụ án phí.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ./.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND huyện Thanh Hà;
- Chi cục THADS huyện Thanh Hà;

**Tm. Héi @àng xĐt xö s- thêm  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Các đương sự;
- UBND xã Vĩnh Lập, huyện Thanh Hà;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Nguyễn Thị Hằng**